

DANH SÁCH GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT (118 CĂN)
(KHU TÁI ĐỊNH CƯ HÒA LỢI, PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG, TP.HCM)

Stt	Lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp
1	HL.G11.16	1442	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129650	24/12/2025
2	HL.G11.17	1441	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129649	24/12/2025
3	HL.G11.18	1440	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129648	24/12/2025
4	HL.G11.20	1438	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129647	24/12/2025
5	HL.G11.21	1437	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129709	24/12/2025
6	HL.G11.22	1436	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129645	24/12/2025
7	HL.G11.23	1435	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129644	24/12/2025
8	HL.G11.24	1434	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129643	24/12/2025
9	HL.G11.25	1433	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129642	24/12/2025
10	HL.G11.26	1432	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129641	24/12/2025
11	HL.G11.27	1431	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129640	24/12/2025
12	HL.G11.28	1430	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129639	24/12/2025
13	HL.G11.31	1401	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129638	24/12/2025
14	HL.G11.32	1402	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129637	24/12/2025
15	HL.G11.33	1403	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129636	24/12/2025
16	HL.G11.34	1404	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129635	24/12/2025
17	HL.G11.35	1405	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129634	24/12/2025
18	HL.G11.36	1406	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129633	24/12/2025
19	HL.G11.37	1407	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129632	24/12/2025
20	HL.G11.38	1408	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129631	24/12/2025
21	HL.G11.39	1409	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129630	24/12/2025
22	HL.G11.41	1411	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129629	24/12/2025



Stt	Lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp
23	HL.G11.42	1412	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129628	24/12/2025
24	HL.G11.43	1413	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129627	24/12/2025
25	HL.G11.44	1414	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129626	24/12/2025
26	HL.G11.45	1415	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129625	24/12/2025
27	HL.G11.46	1416	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129624	24/12/2025
28	HL.G11.47	1417	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129623	24/12/2025
29	HL.G11.48	1418	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129622	24/12/2025
30	HL.G11.49	1419	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129621	24/12/2025
31	HL.G11.50	1420	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129620	24/12/2025
32	HL.G11.51	1421	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129707	24/12/2025
33	HL.G11.52	1422	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129706	24/12/2025
34	HL.G11.53	1423	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129705	24/12/2025
35	HL.G11.54	1424	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129704	24/12/2025
36	HL.G11.55	1425	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129703	24/12/2025
37	HL.G11.56	1426	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129702	24/12/2025
38	HL.G11.57	1427	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129701	24/12/2025
39	HL.G2.46	1334	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266201	23/12/2025
40	HL.G2.47	1335	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266202	23/12/2025
41	HL.G2.48	1336	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266203	23/12/2025
42	HL.G2.49	1337	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266204	23/12/2025
43	HL.G2.50	1338	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266205	23/12/2025
44	HL.G2.51	1339	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266206	23/12/2025
45	HL.G2.52	1340	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266207	23/12/2025
46	HL.G2.53	1341	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05401885	23/12/2025
47	HL.G2.54	1342	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266209	23/12/2025
48	HL.G2.55	1343	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266210	23/12/2025



Stt	Lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp
49	HL.G2.56	1344	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266211	23/12/2025
50	HL.G2.57	1345	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266212	23/12/2025
51	HL.G2.58	1346	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266213	23/12/2025
52	HL.G2.59	1347	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266214	23/12/2025
53	HL.G2.60	1348	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266215	23/12/2025
54	HL.G2.63	1351	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266216	23/12/2025
55	HL.G2.64	1352	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266217	23/12/2025
56	HL.G2.65	1353	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266218	23/12/2025
57	HL.G2.66	1354	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266219	23/12/2025
58	HL.G2.67	1355	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266220	23/12/2025
59	HL.G2.68	1356	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266221	23/12/2025
60	HL.G2.69	1357	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266222	23/12/2025
61	HL.G2.70	1358	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266223	23/12/2025
62	HL.G2.71	1359	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266224	23/12/2025
63	HL.G2.72	1360	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266225	23/12/2025
64	HL.G2.73	1361	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266226	23/12/2025
65	HL.G11.2	1456	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266227	23/12/2025
66	HL.G11.3	1455	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266228	23/12/2025
67	HL.G11.4	1454	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266229	23/12/2025
68	HL.G11.5	1453	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266230	23/12/2025
69	HL.G11.6	1452	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266231	23/12/2025
70	HL.G11.7	1451	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266232	23/12/2025
71	HL.G11.8	1450	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266233	23/12/2025
72	HL.G11.9	1449	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266234	23/12/2025
73	HL.G11.10	1448	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266235	23/12/2025
74	HL.G11.11	1447	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266236	23/12/2025



Stt	Lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp
75	HL.G11.12	1446	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266237	23/12/2025
76	HL.G11.13	1445	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266238	23/12/2025
77	HL.G11.14	1444	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266239	23/12/2025
78	HL.G11.15	1443	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05266240	23/12/2025
79	HL.G2.2	1398	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129651	23/12/2025
80	HL.G2.3	1397	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129652	23/12/2025
81	HL.G2.4	1396	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129653	23/12/2025
82	HL.G2.5	1395	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129654	23/12/2025
83	HL.G2.6	1394	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129655	23/12/2025
84	HL.G2.7	1393	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129656	23/12/2025
85	HL.G2.8	1392	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129657	23/12/2025
86	HL.G2.9	1391	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129658	23/12/2025
87	HL.G2.10	1390	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129659	23/12/2025
88	HL.G2.11	1389	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129660	23/12/2025
89	HL.G2.12	1388	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129661	23/12/2025
90	HL.G2.15	1385	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129662	23/12/2025
91	HL.G2.16	1384	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129663	23/12/2025
92	HL.G2.17	1383	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129664	23/12/2025
93	HL.G2.18	1382	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129665	23/12/2025
94	HL.G2.19	1381	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129666	23/12/2025
95	HL.G2.20	1380	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129667	23/12/2025
96	HL.G2.21	1379	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129668	23/12/2025
97	HL.G2.22	1378	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129669	23/12/2025
98	HL.G2.23	1377	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129670	23/12/2025
99	HL.G2.24	1376	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129671	23/12/2025



Stt	Lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp
100	HL.G2.25	1375	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129672	23/12/2025
101	HL.G2.26	1374	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129673	23/12/2025
102	HL.G2.27	1373	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129674	23/12/2025
103	HL.G2.28	1372	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129675	23/12/2025
104	HL.G2.29	1371	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129676	23/12/2025
105	HL.G2.30	1370	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129677	23/12/2025
106	HL.G2.31	1369	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129678	23/12/2025
107	HL.G2.32	1368	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129679	23/12/2025
108	HL.G2.33	1367	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129680	23/12/2025
109	HL.G2.34	1366	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129681	23/12/2025
110	HL.G2.35	1365	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129682	23/12/2025
111	HL.G2.36	1364	37	150,0	81,2	243,7	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129683	23/12/2025
112	HL.G2.39	1327	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129684	23/12/2025
113	HL.G2.40	1328	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129685	23/12/2025
114	HL.G2.41	1329	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129686	23/12/2025
115	HL.G2.42	1330	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129687	23/12/2025
116	HL.G2.43	1331	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129688	23/12/2025
117	HL.G2.44	1332	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129689	23/12/2025
118	HL.G2.45	1333	37	150,0	80,7	270,6	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05129690	23/12/2025

